

BẢN TIN ĐỘT XUẤT VỀ KẾT QUẢ QUAN TRẮC HIỆN TRƯỜNG

Tháng: 10 (Mẫu không cố định)

1. **Tên nhiệm vụ:** Giám sát, dự báo chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi Cửa Đạt, phục vụ lấy nước sản xuất nông nghiệp
2. **Ngày quan trắc:** 22 – 23/10/2023 **Ngày cung cấp TT:** 24/10/2023
3. **Tình trạng hoạt động của các cống khi lấy mẫu:**

STT	Vị trí quan trắc	Tình trạng hoạt động của cống
1	TL. Cống điều tiết Kiên Thọ	Cống mở.
2	TL. Cụm đầu mối đập Bái Thượng	Cống mở.
3	TL. Đập điều tiết Chợ Nhàng	Cống mở.
4	TL. Đập điều tiết Cổ Định	Cống mở.

4. **Tổng số vị trí các điểm quan trắc:** 5 vị trí.
5. **Đơn vị thực hiện:** Phòng Thí nghiệm và Tư vấn quản lý CLN, Môi trường – Viện Quy hoạch Thủy lợi.
Người cung cấp thông tin: ThS. Trịnh Xuân Hoàng – Trưởng phòng.
6. **Đơn vị nhận thông tin:** Cục Thủy lợi, Công ty TNHH MTV Sông Chu, Ban Quản lý và ĐTXD Thủy lợi 3, Chi cục Thủy lợi Thanh Hóa.

KẾT QUẢ QUAN TRẮC HIỆN TRƯỜNG

Bảng tóm tắt:

Căn cứ theo các quy chuẩn: QCVN 08:2023 và số liệu khảo sát hiện trường sơ bộ nhận định về chất lượng nước tại các vị trí quan trắc theo các hạng như sau:

A - Sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt, bơi lội, vui chơi dưới nước (sau khi áp dụng xử lý phù hợp): Vị trí nuôi cá lồng, TL. Công điều tiết Kiên Thọ, TL. Cụm đầu mối đập Bái Thượng, TL. Đập điều tiết Chợ Nhàng, TL. Đập điều tiết Cổ Định.

B – Sử dụng cho mục đích sản xuất nông nghiệp, công nghiệp (sau khi áp dụng xử lý phù hợp): Các vị trí đạt giới hạn trên.

C – Sử dụng cho mục đích sản xuất công nghiệp (sau khi áp dụng xử lý phù hợp), không gây mùi khó chịu: Các vị trí đạt giới hạn trên.

D - Giao thông thủy và các mục đích khác với yêu cầu nước chất lượng thấp: Các vị trí đạt giới hạn trên.

Tiếp tục điều tiết bình thường theo quy trình của hệ thống.

Bảng chi tiết:

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
QCVN 08:2023 - A				6.5 – 8.5		≥ 6					
QCVN 08:2023 - B				6 – 8.5		≥ 5					
QCVN 08:2023 - C				6 – 8.5		≥ 4					
QCVN 08:2023 - D				< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2					
1	Vị trí nuôi cá lồng	Đánh giá chất lượng nước hồ Cửa Đạt tại vị trí nuôi cá lồng.	Trời nhiều mây, t° = 30°C, độ ẩm 64%, gió B 5 km/h, mật độ mây 92%. Không có dòng chảy, mực nước cao. Nước màu xanh trong.	7.28	3.2	6.7	0.1	0.117	0.095	75	Giá trị các chỉ tiêu hiện trường đáp ứng điều kiện mức A.
2	TL.	Đánh giá chất	Trời nhiều mây, t°	7.16	22.9	7.22	0.1	0.078	0.126	98	Giá trị các chỉ tiêu

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị	
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)		
<i>QCVN 08:2023 - A</i>				6.5 – 8.5		≥ 6						
<i>QCVN 08:2023 - B</i>				6 – 8.5		≥ 5						
<i>QCVN 08:2023 - C</i>				6 – 8.5		≥ 4						
<i>QCVN 08:2023 - D</i>				< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2						
	cổng điều tiết Kiên Thọ	lượng nước trên kênh Bắc Sông Chu – Nam Sông Mã trước khi phân thành 2 nhánh kênh Nam và kênh Bắc tưới cho vùng Bắc Sông Chu – Nam Sông Mã.	= 29°C, độ ẩm 67%, gió B 7 km/h, mật độ mây 90%. Dòng chảy TB, cống mở, mực nước cao. Nước màu xanh, đục.									hiện trường đáp ứng điều kiện mức A.
3	TL. Cùm đầu mối đập Bái Thượng	Đánh giá CLN sông Chu trước khi lấy nước vào hệ thống Bái Thượng.	Trời nhiều mây, t° = 29°C, độ ẩm 65%, gió B 7 km/h, mật độ mây 90%. Dòng chảy TB, cống mở. Nước màu xanh, đục.	6.98	25.8	6.1	0.1	0.062	0.113	90	Giá trị các chỉ tiêu hiện trường đáp ứng điều kiện mức A.	
4	TL. đập điều tiết Chợ Nhàng	Đánh giá CLN kênh chính Bắc sau khi chảy qua thành phố Thanh Hóa.	Trời nhiều mây, t° = 30°C, độ ẩm 60%, gió B 14 km/h, mật độ mây 80%. Dòng chảy chậm, cống mở. Nước màu lục. Có nhiều rác thải dồn ứ ở thượng lưu cống.	7.12	25.3	6.12	0.1	0.272	0.383	95	Giá trị các chỉ tiêu hiện trường đáp ứng điều kiện mức A.	
5	TL. đập điều tiết	Đánh giá CLN hạ lưu kênh	Trời nhiều mây, t° = 29°C, độ ẩm	7.14	27.5	6.9	0.1	0.186	0.304	89	Giá trị các chỉ tiêu hiện trường đáp	

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
		<i>QCVN 08:2023 - A</i>		6.5 – 8.5		≥ 6					
		<i>QCVN 08:2023 - B</i>		6 – 8.5		≥ 5					
		<i>QCVN 08:2023 - C</i>		6 – 8.5		≥ 4					
		<i>QCVN 08:2023 - D</i>		< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2					
	Cố Định	chính Nam	64%, gió B 13 km/h, mật độ mây 85%. Dòng chảy TB, cống mở. Nước màu lục, có nhiều rác thải trôi trên kênh.								ứng điều kiện mức A.

Ghi chú:

QCVN 08:2023 Mức A: Chất lượng nước tốt. Hệ sinh thái trong môi trường nước có hàm lượng oxy hòa tan (DO) cao. Nước có thể sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt, bơi lội, vui chơi dưới nước sau khi áp dụng các biện pháp xử lý phù hợp.

QCVN 08:2023 Mức B: Chất lượng nước trung bình. Hệ sinh thái trong nước tiêu thụ nhiều oxy hòa tan do một lượng lớn chất ô nhiễm. Nước có thể sử dụng cho mục đích sản xuất công nghiệp, nông nghiệp sau khi áp dụng các biện pháp xử lý phù hợp.

QCVN 08:2023 Mức C: Chất lượng nước xấu. Hệ sinh thái trong nước có lượng oxy hòa tan giảm mạnh do chứa một lượng lớn các chất ô nhiễm. Nước không gây mùi khó chịu, có thể được sử dụng cho các mục đích sản xuất công nghiệp sau khi áp dụng các biện pháp xử lý phù hợp.

QCVN 08:2023 Mức D: Nước có chất lượng rất xấu, có thể gây ảnh hưởng lớn tới cá và các sinh vật sống trong môi trường nước do nồng độ oxy hòa tan thấp, nồng độ chất ô nhiễm cao. Nước có thể được sử dụng cho các mục đích giao thông thủy và các mục đích khác với yêu cầu chất lượng nước thấp.

Hà Nội, ngày 24 tháng 10 năm 2023

VIỆN QUY HOẠCH THỦY LỢI